

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/KDTM-ST
Ngày 29-11-2018
V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Thịnh

2. Bà Vũ Thị Phụng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 44/2018/TLST-KDTM ngày 28/8/2018, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-KDTM ngày 11/10/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2018/QĐST-KDTM ngày 30/10/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần thương mại kỹ thuật TC;

Địa chỉ trụ sở: Đường x, Phường y, quận z, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp:

Ông Phạm Danh T, là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc) (vắng mặt).

Ông Nguyễn Thành V và ông Trần Quang K, địa chỉ: Đường x, Phường y, quận z, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Có mặt)

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn M;

Địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

Ông DP, trú tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Tổng giám đốc Công ty) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tố tụng, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần thương mại kỹ thuật TC (Sau đây gọi tắt là Công ty TC) và Công ty trách nhiệm hữu hạn M (Sau đây gọi tắt là Công ty M) có thực hiện giao dịch mua bán hàng hóa là dây hàn các loại với hình thức thông qua các đơn đặt hàng. Các đơn đặt hàng sẽ xác định về sản phẩm mà Công ty TC phải thực hiện, số lượng và giá cả của đơn hàng, cũng như phương thức thanh toán của từng đơn hàng. Các đơn hàng này được xác nhận và ký bởi đại diện Công ty M. Theo thỏa thuận Công ty TC có trách nhiệm giao hàng tại kho của Công ty M tại KCN Mỹ Xuân A2, Công ty M có trách nhiệm thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TC đã hoàn thành nghĩa vụ của bên bán hàng hóa; đồng thời đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng theo đúng từng đơn hàng Công ty M. Tuy nhiên, cho đến nay Công ty M chưa thực hiện đúng cam kết nghĩa vụ thanh toán của 07 đơn đặt hàng cụ với tổng số tiền là 1.137.031.500 đồng (một tỷ một trăm ba mươi bảy triệu không trăm ba mươi một nghìn năm trăm đồng).

Mặc dù Công ty TC đã nhiều lần yêu cầu Công ty M thanh toán nhưng Công ty M không phản hồi.

Theo đơn khởi kiện, Công ty TC yêu cầu Công ty M phải thanh toán số tiền nợ gốc là 1.137.031.500 đồng (một tỷ một trăm ba mươi bảy triệu không trăm ba mươi một nghìn năm trăm đồng) và lãi suất chậm thanh toán đối với từng đơn hàng bị chậm thanh toán tạm tính đến ngày 10/7/2018 với số tiền 104.342.092 đồng (một trăm lẻ bốn triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn không trăm chín mươi hai đồng).

Tại phiên tòa: Công ty TC giữ nguyên yêu cầu đòi số tiền gốc theo khởi kiện và rút toàn bộ yêu cầu tính lãi chậm thanh toán với 07 đơn hàng còn chưa thanh toán tính đến ngày 29/11/2018.

Quá trình tố tụng bị đơn trình bày: Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn theo đúng quy định pháp luật nhưng Công ty M không đến làm việc, không có văn bản trả lời và không cung cấp chứng cứ nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ và kiểm sát tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận 01 phần yêu cầu của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật:* Công ty TC khởi kiện Công ty M, trụ sở: Khu công nghiệp P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, yêu cầu thanh toán tiền mua bán hàng hóa. Tuy hợp đồng có thỏa thuận Tòa án kinh tế thành phố Hồ Chí Minh là Tòa án có thẩm quyền giải quyết nhưng thỏa thuận trên không đúng quy định về thẩm quyền giải quyết tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự nên cần xác định lại thẩm quyền giải quyết như sau: Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và quan hệ pháp luật của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

[2] *Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:*

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3501936853 cấp ngày 04/10/2011, cấp đổi lần 2 ngày 11/9/2013 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cung cấp cho Tòa án, thì Công ty M có địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; người đại diện theo pháp luật là ông DP-Tổng giám đốc Công ty; hiện nay Công ty M chưa làm thủ tục giải thể hay phá sản; theo công văn số 1362/BQL-CV ngày 19/7/2018 của Ban quản lý các khu công nghiệp thì lãnh đạo doanh nghiệp Công ty M và người lao động đã không đến làm việc từ ngày 24/5/2018; đồng thời từ ngày 31/5/2018 văn phòng, nhà xưởng và toàn bộ tài sản của Công ty M do Ngân hàng Quân Đội – chi nhánh Bà Rịa, trông giữ; theo xác minh của Tòa án tại Đoàn công an khu công nghiệp Tân Thành thì Công ty M không còn hoạt động và tài sản của công ty do Ngân hàng Quân đội cử người trông coi; theo Công văn số 7677/CT-KTR1 ngày 21/8/2018 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thì hiện tại Công ty M không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế nên không thể cung cấp thông tin liên quan đến việc kê khai thuế.

Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị

đơn theo đúng quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại các buổi hòa giải và phiên tòa sơ thẩm lần 2, Công ty M vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Công ty M là đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn:

Về nội dung vụ án và nguyên nhân dẫn đến tranh chấp:

Công ty TC và Công ty M đã thực hiện giao kết mua bán hàng hóa thông qua hình thức đơn hàng với nội dung Công ty TC là cung cấp cho Công ty M các sản phẩm dây hàn các loại; việc giao hàng thực hiện tại kho của Công ty M tại Khu công nghiệp Mỹ Xuân A2, việc thanh toán được thực hiện sau 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Do đến nay, Công ty M không thanh toán tiền nợ mua bán hàng hóa nên phát sinh tranh chấp đến Tòa án.

Xét hình thức của hợp đồng mua bán hàng hóa: Khi giao kết hợp đồng, Công ty TC và Công ty M được coi là pháp nhân theo đúng quy định tại Điều 84 Bộ luật dân sự 2005. Hợp đồng là các đơn đặt hàng được thể hiện bằng hình thức văn bản, tự nguyện theo đúng Điều 24 Luật thương mại. Đại diện ký tên trong đơn đặt hàng là người đại diện theo pháp luật của công ty theo quy định tại Điều 86, Điều 91 Bộ luật dân sự năm 2005. Nội dung hợp đồng mua bán hàng hóa không nằm trong danh mục cấm và theo đúng như trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã đăng ký với cơ quan nhà nước. Do đó hợp đồng giữa Công ty TC và Công ty M được coi là hợp pháp, có hiệu lực.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Hội đồng xét xử nhận thấy từ các chứng cứ là các đơn đặt hàng, hóa đơn chứng từ, thư xác nhận và yêu cầu thanh toán ngày 07/12/2017 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ phù hợp lời trình bày của nguyên đơn thể hiện việc giao kết giữa Công ty TC và Công ty M là đúng sự thật và đúng như nguyên đơn đã trình bày, thể hiện thể hiện Công ty TC đã hoàn thành nghĩa vụ của bên bán hàng hóa được quy định tại Điều 34, 35, 36, 37 Luật thương mại nên phía Công ty M có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng theo quy định tại Điều 50 Luật thương mại.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Tại thư xác nhận công nợ ngày 07/12/2017, Công ty M xác nhận còn nợ Công ty TC số tiền là 1.137.031.500 đồng (một tỷ một trăm ba mươi bảy triệu không trăm ba mươi một nghìn năm trăm đồng). Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc phía Công ty M phải thanh toán số tiền còn nợ là 1.137.031.500 đồng (một tỷ một trăm ba mươi bảy triệu không trăm ba mươi một nghìn năm trăm đồng).

Đối với yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của phía nguyên đơn thì thấy: Do tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu tính lãi chậm thanh toán nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên.

Từ các lập luận trên, Hội đồng xét xử buộc Công ty M phải thanh toán cho Công ty TC, số tiền gốc là: 1.315.894.479 đồng (một tỷ ba trăm mười lăm triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng).

Bị đơn trong quá trình hoà giải cũng như tại phiên tòa hôm nay: Dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đã được cung cấp các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhưng phía Công ty M không có mặt, không trình bày ý kiến, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án nên coi như từ bỏ quyền bảo vệ mình tại phiên tòa sơ thẩm.

[5] *Về án phí sơ thẩm:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Công ty TC.

Công ty M phải nộp: 36.000.000 đồng x 3% (1.315.894.479 - 800.000.000 đồng) = 46.111.000 đồng (bốn mươi sáu triệu một trăm mười một nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 302, 428 Bộ luật dân sự 2005; Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 42, Điều 50, Điều 306 Luật thương mại;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần thương mại kỹ thuật TC đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn M về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn M phải trả cho Công ty cổ phần thương mại kỹ thuật TC số tiền gốc 1.137.031.500 đồng (một tỷ một trăm ba mươi bảy triệu không trăm ba mươi một nghìn năm trăm đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn M thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Công ty M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 46.111.000 đồng (bốn mươi sáu triệu một trăm mười một nghìn đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Công ty cổ phần thương mại kỹ thuật TC là 24.816.000 đồng (hai mươi bốn triệu tám trăm mười sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004495 ngày 27/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Bảo Ngọc